

Số: 117/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 07/14/2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô.

Điều 1. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 2

“a) Ô tô được sản xuất, lắp ráp:

- Phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;
- Từ ô tô sát xi có buồng lái hoặc từ ô tô hoàn chỉnh đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Không tham gia giao thông công cộng, chỉ hoạt động trong phạm vi hẹp;
- Phục vụ mục đích xuất khẩu.”

Điều 2. Sửa đổi một số điểm của Điều 3

1. Sửa đổi điểm a khoản 12 như sau:

“a) Bản sao có chứng thực (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính, công văn hành chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp);”

2. Sửa đổi điểm c khoản 12 như sau:

“c) Bản sao điện tử (đối với trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).”

Điều 3. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 8

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”

3. Sửa đổi điểm c khoản 3 như sau:

“c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo cụ thể thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Các nội dung kiểm tra phải được lập thành Biên bản (Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).

Trường hợp kết quả kiểm tra, đánh giá chưa đạt yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra, Bộ Công Thương thông báo để doanh nghiệp hoàn thiện;”.

4. Sửa đổi điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Doanh nghiệp nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.”.

Điều 4. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 9

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

3. Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:

“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp đổi Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 5. Sửa đổi một số điểm của Điều 10

1. Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

“a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

2. Sửa đổi điểm c khoản 2 như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 6. Bãi bỏ khoản 2 và khoản 3 Điều 14.

Điều 7. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 16

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

3. Sửa đổi điểm d khoản 3 như sau:

“d) Doanh nghiệp nhận Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô trực tiếp tại Bộ Công Thương hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.”.

Điều 8. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 17

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến tới Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

Điều 9. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 18

“a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Bộ Công Thương hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

Điều 10. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 22

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Cơ quan kiểm tra hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

3. Sửa đổi điểm đ khoản 3 như sau:

“đ) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra hoặc qua hệ thống bưu chính (nếu có yêu cầu) hoặc trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

Điều 11. Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm của Điều 23

1. Bãi bỏ điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 như sau:

“a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộ 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Cơ quan kiểm tra hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

Điều 12. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 24

“a) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng nộ 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính tới Cơ quan kiểm tra hoặc hình thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia;”.

Điều 13. Sửa đổi khoản 1 Mục V Phụ lục I

“1. Dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm phải được trang bị các thiết bị kiểm tra chuyên dùng theo từng công đoạn lắp ráp và thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng theo quy định.”

Điều 14. Thay thế cụm từ; thay thế một số mẫu tại Phụ lục II

1. Thay thế cụm từ “Bộ Giao thông vận tải” tại phần căn cứ pháp lý; khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 22; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 29; khoản 1 Điều 33; Mẫu số 15 Phụ lục II bằng cụm từ “Bộ Xây dựng”.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Tài nguyên và Môi trường” tại khoản 5 Điều 29 bằng cụm từ “Bộ Nông nghiệp và Môi trường”.

3. Thay thế cụm từ “Sở Giao thông vận tải” tại khoản 2 Điều 30 bằng cụm từ “Sở Xây dựng”.

4. Thay thế các Mẫu số 01, 04, 08, 09 tại Phụ lục II tương ứng bằng các Mẫu số 01, 04, 08, 09 ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô đã được cấp cho doanh nghiệp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục có hiệu lực cho đến khi được cấp đổi hoặc cấp lại.

2. Các hồ sơ hợp lệ đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công. TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). 70

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Thanh Sơn

Bu^l Thanh Sơn



Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*Kèm theo Nghị định số 117/2026/NĐ-CP
Ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 04	Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô
Mẫu số 08	Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô
Mẫu số 09	Biên bản kiểm tra doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20 ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ**

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Người liên hệ: Chức danh: Điện thoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) số do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;⁽¹⁾

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho các chủng loại ô tô sau:

a).....⁽²⁾b).....⁽²⁾

2. Hồ sơ kèm theo:

..... (tên doanh nghiệp) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP***(Họ và tên, ký tên và đóng dấu⁽³⁾)*

(1): Các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

(2): Ghi rõ loại nhiên liệu, năng lượng sử dụng cho xe.

(3): Nếu có con dấu.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../GCN-BCT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ**

Cấp lần đầu: ngày... tháng... năm.....

Cấp đổi lần thứ.....: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ.....: ngày... tháng... năm...

Căn cứ Nghị định số/...../NĐ-CP ngày.....tháng.....năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;⁽¹⁾

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô số ... ngày.....tháng.....năm.....của (tên doanh nghiệp);

Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)⁽²⁾: ...
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)⁽²⁾:...
- Địa điểm dự án sản xuất, lắp ráp ô tô:.....

II. NỘI DUNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

..... (tên doanh nghiệp) được sản xuất, lắp ráp các chủng loại ô tô sau:

1.⁽³⁾
2.⁽³⁾

III. GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY CÓ HIỆU LỰC TỪ NGÀY KÝ; (THAY THẾ CHO GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ SỐ...../GCN-BCT NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....DO BỘ CÔNG THƯƠNG CẤP)⁽⁴⁾.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT,

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1): Các quy định điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

(2): Chỉ ghi nhận mã số doanh nghiệp/mã số dự án và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký đầu tư lần đầu, cơ quan cấp.

(3): Ghi rõ chủng loại ô tô con/ô tô khách/ô tô tải/ô tô sát xi hoặc các chủng loại ô tô khác được định nghĩa tại các TCVN hiện hành và loại nhiên liệu, năng lượng sử dụng cho xe.

(4): Trường hợp cấp đổi/cấp lại Giấy chứng nhận.

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...

....., ngày ... tháng ... năm.....

GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ

Căn cứ Nghị định số / /NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô⁽¹⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô số ... ngày của (tên doanh nghiệp nhập khẩu);

Bộ Công Thương cấp Giấy phép kinh doanh nhập khẩu ô tô cho doanh nghiệp:

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp:.....
- Địa chỉ:..... Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)⁽²⁾
- Địa chỉ cơ sở bảo hành, bảo dưỡngđiện thoại.....

II. NỘI DUNG CẤP PHÉP

..... (tên doanh nghiệp) được phép nhập khẩu các chủng loại ô tô sau:

Loại ⁽³⁾	Nhãn hiệu	Chưa qua sử dụng	Đã qua sử dụng	Ghi chú
1. Ô tô con				
2. Ô tô khách				
3. Ô tô tải				

..... (tên doanh nghiệp) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô⁽¹⁾.

III. GIẤY PHÉP NÀY CÓ HIỆU LỰC KÈ TỪ NGÀY KÝ; (THAY THẾ CHO GIẤY PHÉP KINH DOANH NHẬP KHẨU Ô TÔ SỐ...../..... NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....DO BỘ CÔNG THƯƠNG CẤP)⁽⁴⁾./.

Nơi nhận:

-

(Chức danh, ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-

- Lưu: VT,

(1): Các quy định điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

(2) Chỉ ghi nhận mã số doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, cơ quan cấp.

(3): Ghi rõ chủng loại ô tô con/ô tô khách/ô tô tải/ô tô sát xi hoặc các chủng loại ô tô khác được định nghĩa tại các TCVN hiện hành và loại nhiên liệu, năng lượng sử dụng cho xe.

(4): Trường hợp cấp đổi/cấp lại Giấy phép.

CƠ QUAN KIỂM TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT, LẮP RÁP Ô TÔ

Thực hiện Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng năm của..... (tên cơ quan kiểm tra) về việc thành lập Đoàn kiểm tra điều kiện/hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô, hôm nay vào hồi giờ ngày..... tháng năm, Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra điều kiện/hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô tại..... (tên doanh nghiệp)....., kết quả như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên doanh nghiệp kiểm tra:.....
 - Địa chỉ trụ sở chính:.....
 - Địa điểm dự án sản xuất, lắp ráp ô tô:.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)⁽¹⁾:.....
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)⁽¹⁾:.....
2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã được cấp: số.....ngày.....tháng.....năm (nếu có).
Chủng loại ô tô được phép sản xuất, lắp ráp bao gồm:
-;
-
3. Đoàn kiểm tra được thành lập theo Quyết định số:..... gồm các ông (bà) có tên sau đây:.....
4. Đại diện doanh nghiệp được kiểm tra gồm các ông (bà) có tên sau đây:.....

II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA

Kiểm tra việc đáp ứng/duy trì điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) ⁽²⁾.

TT	Hạng mục kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
		Đạt	Không đạt	
I. Yêu cầu về nhà xưởng sản xuất				
1	Diện tích nhà xưởng			
2	Nền nhà xưởng			
3	Các sơ đồ quy trình công nghệ tổng thể và theo từng công đoạn sản xuất, lắp ráp			
4	Các hệ thống, trang thiết bị phụ trợ khác phục vụ sản xuất, lắp ráp			

II. Yêu cầu về dây chuyền công nghệ lắp ráp				
1	Dây chuyền lắp ráp khung, thân xe			
2	Dây chuyền lắp ráp tổng thành			
3	Dây chuyền lắp ráp ô tô			
4	Số lượng, chủng loại và đặc tính kỹ thuật của các trang thiết bị, dụng cụ, đồ gá cho dây chuyền lắp ráp			
III. Yêu cầu về dây chuyền hàn				
1	Máy hàn, thiết bị hàn và đồ gá chuyên dùng			
2	Hệ thống nâng, hạ, vận chuyển gá đẩy chuyên dụng theo dây chuyền			
3	Đồ gá hàn các mảng thân ô tô			
IV. Yêu cầu về dây chuyền sơn				
1	Dây chuyền sơn tự động hoặc bán tự động			
2	Kỹ thuật công nghệ sơn			
3	Các thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng lớp sơn			
V. Yêu cầu về dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm				
1	Các thiết bị kiểm tra chuyên dùng theo từng công đoạn lắp ráp			
2	Các thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng			
3	Hệ thống máy tính lưu trữ các kết quả kiểm tra chỉ tiêu ô tô lắp ráp xuất xưởng			
VI. Yêu cầu về đường thử xe ô tô				
1	Chiều dài tối thiểu của đường thử			
2	Đường bằng phẳng			
3	Đường sỏi đá			
4	Đường gồ ghề			
5	Đường gợn sóng			
6	Đường dốc lên xuống			
7	Đường trơn ướt			
8	Đường cua			

III. KẾT LUẬN

1. Đánh giá

- a) Các hạng mục đã thực hiện/duy trì;
- b) Các hạng mục chưa thực hiện/không duy trì.

2. Kiến nghị

- a) Kiến nghị của Đoàn kiểm tra đối với doanh nghiệp;
- b) Kiến nghị của doanh nghiệp đối với Đoàn kiểm tra.

3. Kết luận

Doanh nghiệp đáp ứng/không đáp ứng/duy trì/không duy trì điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).....

Đoàn kiểm tra kết thúc hồi giờ ngày tháng năm.....

Biên bản được lập thành.....bản có nội dung như nhau. Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, công nhận nội dung ghi trong biên bản là đúng và ký tên.bản được giao cho Đoàn kiểm tra và 01 bản được giao cho doanh nghiệp được kiểm tra.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP (HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)**
(Ký tên, đóng dấu⁽³⁾)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA
(Ký tên)

(1): Chỉ ghi nhận mã số doanh nghiệp/mã số dự án và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/đăng ký đầu tư lần đầu, cơ quan cấp.

(2): Các quy định điều chỉnh, bổ sung (nếu có).

(3): Nếu có con dấu.